

Số: 40 /2019/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 26 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 11 tháng 11 năm 2011;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 06 tháng 9 năm 2019; thay thế Quyết định số 09/2013/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ TN&MT (Vụ Pháp chế);
- Cục KTVBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- TT Thông tin - VPUBND tỉnh;
- Các CV VPUBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature]
Hoàng Xuân Ánh

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu
tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 40 /2019/QĐ-UBND ngày 26/8/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về đất đai, tài nguyên nước, địa chất và khoáng sản, môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đo đạc và bản đồ (sau đây gọi chung là thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường) trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, tổ chức, cá nhân có hoạt động thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải là các thông tin, dữ liệu được thu nhận và lưu trữ theo đúng quy định. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường bao gồm:

1. Thông tin, dữ liệu về đất đai gồm:

- a) Kết quả đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- b) Đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính, thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất;
- c) Thống kê, kiểm kê đất đai;
- d) Lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- đ) Giá đất và bản đồ giá đất;

e) Các thông tin, dữ liệu khác liên quan đến điều tra cơ bản về đất đai.

2. Thông tin, dữ liệu về tài nguyên nước gồm:

a) Số lượng, chất lượng nước mặt, nước dưới đất;

b) Số liệu điều tra khảo sát địa chất thủy văn;

c) Các dữ liệu về khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước;

d) Quy hoạch các lưu vực sông, quản lý, khai thác, bảo vệ các nguồn nước trong nước và liên quốc gia;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, điều chỉnh giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; giấy phép xả nước thải vào nguồn nước; trám lấp giếng khoan không sử dụng;

e) Các dữ liệu về các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước;

g) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình quan trắc tài nguyên nước;

h) Các dữ liệu về danh mục các lưu vực sông.

3. Thông tin, dữ liệu về địa chất và khoáng sản gồm:

a) Báo cáo kết quả điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Báo cáo địa chất);

b) Hồ sơ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

c) Hồ sơ khu vực dự trữ tài nguyên khoáng sản quốc gia, khu vực có khoáng sản phân tán nhỏ lẻ; khoanh định khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản; khu vực có khoáng sản độc hại;

d) Kết quả thống kê; kiểm kê trữ lượng tài nguyên khoáng sản trên phạm vi cả nước;

đ) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi, cho phép, trả lại giấy phép hoạt động khoáng sản, cho phép tiếp tục thực hiện quyền hoạt động khoáng sản.

4. Thông tin, dữ liệu về môi trường gồm:

a) Báo cáo Hiện trạng môi trường các cấp;

b) Danh sách các cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, các khu bảo tồn thiên nhiên; Danh mục các loài hoang dã, loài bị đe dọa tuyệt chủng, loài bị tuyệt chủng trong tự nhiên, loài đặc hữu, loài di cư, loài ngoại lai, loài ngoại lai xâm hại, loài nguy cấp, quý hiếm được ưu tiên bảo vệ, các loài trong Sách Đỏ Việt Nam;

c) Quy hoạch môi trường; Báo cáo Quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học, các hệ sinh thái (trên cạn, dưới nước) và an toàn sinh học;

d) Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, Đề án bảo vệ môi trường, Kế hoạch bảo vệ môi trường, Báo cáo kết quả quan trắc môi trường định kỳ hàng năm;

đ) Báo cáo về nguồn thải, lượng chất thải, nguồn gây ô nhiễm, chất thải thông thường, chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; kết quả cải tạo, phục hồi môi trường trong các hoạt động khai thác khoáng sản: hiện trạng môi trường tại các mỏ khai thác khoáng sản; hiện trạng môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu; dự án xử lý và phục hồi môi trường các điểm ô nhiễm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu;

e) Báo cáo về tình hình nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất, nộp phí bảo vệ môi trường; kết quả giải quyết bồi thường thiệt hại, tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết;

g) Báo cáo về khu vực bị ô nhiễm, nhạy cảm, suy thoái, sự cố môi trường; khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường; bản đồ ô nhiễm môi trường và các biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

h) Danh mục về các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; Danh mục và tình hình bảo vệ môi trường làng nghề, khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, cụm công nghiệp;

i) Kết quả về quản lý môi trường lưu vực sông, ven biển và biển; ô nhiễm môi trường xuyên biên giới;

k) Kết quả về xử lý chất thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, khí thải, nước thải, tiếng ồn, độ rung và các công nghệ môi trường khác;

l) Kết quả cấp, gia hạn, thu hồi các loại giấy phép về môi trường.

5. Thông tin, dữ liệu về khí tượng thủy văn gồm:

a) Thông tin, dữ liệu quan trắc, điều tra, khảo sát về khí tượng thủy văn, môi trường không khí và nước;

b) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn thu được từ nước ngoài, cơ quan, tổ chức quốc tế;

c) Biểu đồ, bản đồ, ảnh thu từ vệ tinh; phim, ảnh về đối tượng nghiên cứu khí tượng thủy văn;

d) Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn; thông báo tình hình khí tượng thủy văn;

đ) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm, công trình, phương tiện đo khí tượng thủy văn;

e) Hồ sơ cấp, gia hạn, đình chỉ, thu hồi giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn;

g) Kế hoạch và kết quả thực hiện tác động vào thời tiết.

6. Thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ gồm:

a) Thông tin, dữ liệu về hệ quy chiếu quốc gia, hệ thống số liệu gốc đo đạc quốc gia, các mạng lưới đo đạc quốc gia;

b) Hệ thống không ảnh;

c) Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia; cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình quốc gia;

d) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về biên giới quốc gia;

đ) Sản phẩm đo đạc và bản đồ về địa giới hành chính các cấp;

e) Bản đồ hành chính;

g) Dữ liệu địa danh;

h) Thông tin, dữ liệu về: Mạng lưới đo đạc chuyên dụng; hệ thống không ảnh chuyên dụng; sản phẩm hải đồ; sản phẩm bản đồ công trình ngầm; sản phẩm bản đồ hàng không; sản phẩm đo đạc và bản đồ quốc phòng; sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành, chuyên đề khác.

7. Thông tin, dữ liệu về biến đổi khí hậu gồm:

a) Thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong quá khứ và hiện tại quan trắc được từ mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia, mạng lưới trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng;

b) Thông tin, dữ liệu về tác động của thiên tai khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu đến tài nguyên, môi trường, hệ sinh thái, điều kiện sống và hoạt động kinh tế - xã hội;

c) Thông tin, dữ liệu về phát thải khí nhà kính và các hoạt động kinh tế - xã hội có liên quan đến phát thải khí nhà kính;

d) Thông tin, dữ liệu quan trắc về ô-dôn, bảo vệ tầng ô-dôn và quản lý các chất làm suy giảm tầng ô-dôn;

đ) Bộ chuẩn khí hậu quốc gia;

e) Kết quả đánh giá khí hậu quốc gia;

g) Kịch bản biến đổi khí hậu các thời kỳ;

h) Hồ sơ kỹ thuật của các trạm giám sát biến đổi khí hậu.

8. Kết quả thanh tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, giải quyết bồi thường thiệt hại về tài nguyên và môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

9. Văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật về tài nguyên và môi trường.

10. Hồ sơ, kết quả của các chiến lược, quy hoạch, chương trình, dự án, đề án, đề tài nghiên cứu khoa học công nghệ về tài nguyên và môi trường.

11. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường khác do quy định của pháp luật.

Điều 4. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng

1. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường là tập hợp dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, xử lý, tích hợp và được lưu trữ một cách có hệ thống, khoa học, có tổ chức dưới dạng tệp dữ liệu lưu trên các hệ thống tin học, các thiết bị lưu trữ và các vật mang tin như các loại ổ cứng máy tính, băng từ, đĩa CD, DVD... hoặc văn bản, tài liệu được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí.

2. Cơ sở dữ liệu về tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì xây dựng được quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin tại Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu Cao Bằng. Riêng hồ sơ địa chính; cơ sở dữ liệu địa chính; số liệu thống kê đất đai hàng năm; số liệu kiểm kê đất đai và bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng được Sở Tài nguyên và Môi trường giao cho Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Cao Bằng quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin.

b) Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường do các sở, ngành, các huyện, thành phố xây dựng, quản lý và lưu trữ.

Điều 5. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường

Việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân theo nguyên tắc sau:

1. Bảo đảm tính chính xác, trung thực, khoa học, khách quan và kế thừa.
2. Tập hợp, quản lý được đầy đủ các nguồn thông tin, dữ liệu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.
3. Lưu trữ, bảo quản đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu dài, thuận tiện.

4. Tổ chức có hệ thống thuận tiện khai thác và sử dụng, phát huy hiệu quả, tiết kiệm chung cho xã hội, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

5. Được công bố công khai và được quyền tiếp cận theo quy định của Luật tiếp cận thông tin trừ các thông tin, dữ liệu thuộc về bí mật nhà nước và hạn chế sử dụng.

6. Phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

7. Sử dụng đúng mục đích, phải trích dẫn nguồn và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

8. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Yêu cầu thu thập, quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thu thập đầy đủ, toàn diện và đánh giá chính xác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

2. Quản lý, lưu trữ, bảo quản và xây dựng cơ sở dữ liệu bảo đảm sử dụng lâu dài, an toàn thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

3. Công bố, cung cấp, khai thác, sử dụng thuận tiện, kịp thời cho mọi đối tượng theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nguyên tắc kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các cấp tỉnh, huyện và các sở, ngành

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, xây dựng chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu được thông suốt, kịp thời đáp ứng các yêu cầu về an toàn an ninh thông tin.

Điều 8. Kinh phí thu thập, xử lý, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý dữ liệu, xây dựng Cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện bảo

đảm; kinh phí được phân bổ từ nguồn kinh phí sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường giao các đơn vị thực hiện theo chức năng nhiệm vụ.

3. Phí khai thác thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định pháp luật (của Trung ương và địa phương) về phí và lệ phí.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN DỮ LIỆU VỀ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 9. Lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch thu thập thông tin dữ liệu, tài nguyên và môi trường

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh theo quy định. Kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện thu thập thông tin, dữ liệu về tài nguyên môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có dữ liệu cần thu thập thống nhất danh mục dữ liệu tài nguyên môi trường cụ thể tại mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương để đảm bảo tránh trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ; kế hoạch nêu rõ những hoạt động, nhiệm vụ sẽ phối hợp thực hiện thu thập dữ liệu để tiết kiệm kinh phí, nguồn lực, bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.

3. Hình thức, quy trình thu thập, tiếp nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường; quy trình thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7, 8 Thông tư 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

Điều 10. Thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ công tác lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp sử dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thực hiện thu thập, cập nhật, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh kế hoạch thu thập, số hóa, cung cấp dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh và theo dõi, đôn đốc việc thực hiện kế hoạch đã được phê duyệt;

c) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục dữ liệu về tài nguyên và môi trường của tỉnh và tổ chức công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh và trang Thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cao Bằng;

d) Chỉ đạo Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu, Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Cao Bằng phối hợp với các đơn vị có liên quan để xây dựng kế hoạch và thực hiện thu thập, tiếp nhận, xử lý, xây dựng, quản lý, cập nhật, lưu trữ, cung cấp, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh; phục vụ các tổ chức, cá nhân khai thác dữ liệu, thu phí khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định; ký kết hợp đồng dịch vụ thu thập, tổng hợp, xử lý, lưu trữ và khai thác dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Các sở, ban, ngành:

a) Xác định những thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường có liên quan đến ngành để tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thiết phù hợp với nội dung và nhiệm vụ của ngành; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường; bảo quản, bảo mật dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã thu thập và cung cấp theo quy định;

b) Thu thập, xử lý, giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo kế hoạch đã được phê duyệt và theo chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Tiếp nhận, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp đảm bảo tính thống nhất, hiệu quả và đúng quy định.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và ủy ban nhân dân cấp xã, thị trấn:

a) Thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu về tài nguyên môi trường trên địa bàn đúng quy định;

b) Tiếp nhận, quản lý, sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường (do Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp) hiệu quả và đúng quy định.

4. Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu Cao Bằng, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm tham mưu cho Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc thu thập, cập nhật, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh đúng quy định.

Điều 11. Kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu thu thập được

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp đánh giá và xử lý. Việc kiểm tra đánh giá, xử lý thông tin dữ liệu tuân thủ theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành phê duyệt.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường trực tiếp là Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu và Văn phòng Đăng ký Đất đai chịu trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh.

3. Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của huyện.

Điều 12. Phối hợp thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường

1. Nguyên tắc phối hợp thu thập thông tin, dữ liệu giữa Sở Tài nguyên và Môi trường với các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh:

a) Bảo đảm phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh;

b) Bảo đảm dữ liệu được thu thập chính xác, đầy đủ, có hệ thống;

c) Bảo đảm không trùng lặp, chồng chéo nhiệm vụ giữa các tổ chức, đơn vị có liên quan và bảo đảm có sự lồng ghép các hoạt động, nhiệm vụ, phối hợp chặt chẽ trong việc thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường, hạn chế tối đa việc thu thập lại cùng một nguồn dữ liệu; tận dụng nguồn dữ liệu sẵn có;

d) Bảo đảm thực hiện hiệu quả, khả thi, tiết kiệm kinh phí, nguồn lực.

2. Nội dung phối hợp thu thập dữ liệu:

a) Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng) chủ động phối hợp với các sở, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu theo kế hoạch UBND tỉnh phê duyệt;

b) Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Trong quá trình thực hiện việc thu thập, xử lý dữ liệu phối hợp chặt chẽ với các đơn vị chuyên môn liên quan đến lĩnh vực dữ liệu cần thu thập để bảo đảm việc thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu tuân thủ đúng quy định, quy trình, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật, bảo đảm chính xác, tin cậy và phối hợp chặt chẽ với Sở Tài nguyên và Môi trường (Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng) trong quá trình thu thập thông tin, dữ liệu để tiết kiệm kinh phí, nguồn lực, bảo đảm nhiệm vụ được thực hiện nhanh chóng, hiệu quả;

c) Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quản lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nghiệp vụ - kỹ thuật cần thiết để bảo mật hệ thống dữ liệu chung.

Điều 13. Giao nhận thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường khi giao nhận phải được lập biên bản và lưu hồ sơ theo quy định.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách Nhà nước để xây dựng, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Quy chế này và các quy định của pháp luật.

3. Thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường đã được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thì các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện giao nộp cho đơn vị được Sở Tài nguyên và Môi trường phân công quản lý dữ liệu.

Chương III

TỔ CHỨC LƯU TRỮ BẢO QUẢN, CÔNG BỐ, CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 14. Lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Tất cả các thông tin dữ liệu phải được phân loại, đánh giá, xử lý về mặt vật lý, hoá học và chuẩn hoá, số hoá dữ liệu ngay sau khi thu thập để lưu trữ, bảo đảm an toàn kéo dài tuổi thọ cho tài liệu, bảo quản trong các kho lưu trữ.

2. Việc lưu trữ, bảo quản dữ liệu về tài nguyên và môi trường, tiêu hủy tài liệu hết giá trị phải tuân theo các quy định, quy trình, pháp luật về lưu trữ.

Điều 15. Bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu số

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin để bảo đảm việc thu thập, xử lý, cập nhật thông tin một cách đầy đủ, tin cậy, nhanh chóng, chính xác; đồng thời bảo đảm việc xây dựng, lưu trữ an toàn cơ sở dữ liệu;

b) Có các biện pháp quản lý, bảo vệ đối với hệ thống cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh. Bảo đảm an toàn dữ liệu số về tài nguyên và môi trường bao gồm các nội dung bảo vệ và bảo mật dữ liệu, an toàn dữ liệu, an toàn máy tính và an toàn mạng;

c) Việc in, sao, chụp, vận chuyển, giao nhận, truyền dữ liệu tài liệu, lưu giữ, bảo quản, cung cấp dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước và các hoạt động khác có liên quan đến dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước phải tuân theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

2. Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm kiểm tra và sao lưu dữ liệu:

a) Định kỳ 3 (ba) tháng 1 (một) lần kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử;

b) Định kỳ mỗi năm 1 (một) lần sao lưu dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD) và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Xây dựng, cung cấp, công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 9, 10, 11 Thông tư 32/2018/TT-BTNMT ngày 26/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định thu thập, thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng.

2. Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường tỉnh Cao Bằng được công bố trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh, trang Thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

3. Định kỳ 03 (ba) năm một lần, giao cho Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát lại Danh mục thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt (nếu có thay đổi).

4. Các sở, ban, ngành và ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường có trách nhiệm lập Danh mục thông tin, dữ liệu của đơn vị mình gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, chỉnh lý.

Điều 17. Hình thức thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường thông qua phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu:

a) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu lập phiếu yêu cầu hoặc văn bản yêu cầu (theo mẫu số 2, mẫu số 3 tại phụ lục ban hành kèm theo của Nghị định 73/2017/NĐ-CP);

b) Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật;

c) Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm cung cấp dữ liệu hồ sơ địa chính, hồ sơ cơ sở dữ liệu địa chính, số liệu thống kê đất đai hàng năm, số liệu kiểm kê đất đai, bản đồ hiện trạng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Cao Bằng cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và thu phí khai thác, sử dụng dữ liệu theo quy định.

2. Khai thác và sử dụng thông tin theo hình thức hợp đồng:

Việc khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân sự giữa Sở Tài nguyên và môi trường với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu. Mẫu hợp đồng theo mẫu số 4 tại phụ lục ban hành kèm theo của Nghị định 73/2017/NĐ – CP.

3. Thời hạn cung cấp dữ liệu:

Cung cấp theo yêu cầu: Theo thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu, trong các ngày làm việc theo quy định.

4. Trách nhiệm của tổ chức cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường:

a) Không được chuyển thông tin dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu;

b) Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng;

c) Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định của pháp luật;

d) Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Điều 18. Thẩm quyền cho phép cung cấp dữ liệu

1. Việc cung cấp thông tin thuộc danh mục dữ liệu tài nguyên và Môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật Nhà nước phải tuân theo nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

2. Thủ trưởng cơ quan lưu trữ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường của tỉnh cho phép cung cấp, sử dụng dữ liệu đúng quy định của Nhà nước ngoài quy định tại Khoản 1, Điều này.

Điều 19. Phối hợp kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường

1. Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành, uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình thực hiện việc cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu về tài nguyên môi trường thường xuyên trao đổi, chịu trách nhiệm theo chức năng, nhiệm vụ, phạm vi của từng tổ chức, đơn vị để đảm bảo việc cung cấp, chia sẻ các dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường chính xác, kịp thời đúng quy định của pháp luật.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp, kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho mọi tổ chức, cá nhân có nhu cầu, thu phí khai thác và sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 20. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Lập và trình kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường và thu thập cập nhật thông tin mô tả về thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường, tổ chức thực hiện thu thập thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường, phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường theo đúng quy định.

2. Tổ chức quản lý thông tin dữ liệu trên môi trường điện tử, xây dựng vận hành cơ sở dữ liệu, Trang thông tin điện tử Tài nguyên và môi trường phục

vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường giữa các sở, các tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả.

4. Chỉ đạo Trung tâm Quan trắc và Dữ liệu, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Cao Bằng thực hiện Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo quy định.

5. Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên môi trường cho Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

6. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thiết lập hạ tầng công nghệ thông tin, theo kế hoạch được phê duyệt.

7. Phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan liên quan lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác thu thập thông tin dữ liệu tài nguyên và môi trường, phục vụ lưu trữ, bảo quản, công bố, cung cấp và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 22. Trách nhiệm của Sở Thông tin và truyền thông

1. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để hỗ trợ quản lý, duy trì, lưu trữ cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường hoạt động liên tục, hiệu quả.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tăng cường công tác quản lý nhà nước về công nghệ thông tin, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phát huy hiệu quả cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường phục vụ cho các ngành, các lĩnh vực.

Điều 23. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định dự toán kinh phí phục vụ cho công tác quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; Thực hiện kiểm tra, quyết toán kinh phí khai thác thông tin dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

Điều 24. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Hàng năm, theo chức năng, nhiệm vụ của mình xác định, lập danh mục dữ liệu tài nguyên và môi trường cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 hàng năm để tổng hợp, lập dự thảo kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường.

2. Tham gia góp ý bằng văn bản sau khi nhận được dự thảo kế hoạch thu thập, quản lý dữ liệu hàng năm do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trong lĩnh vực phụ trách.

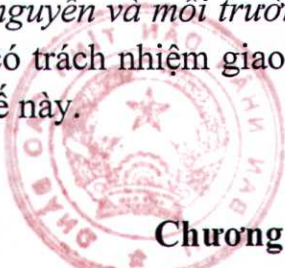
Điều 25. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Có trách nhiệm phối hợp với sở Tài nguyên và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch thu thập dữ liệu về tài nguyên và môi trường hàng năm của tỉnh.

2. Chỉ đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình tiến hành thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn huyện, thành phố; cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường cho Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

Điều 26. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khác có liên quan

Tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách sự nghiệp môi trường, sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khoa học và công nghệ *(hoặc có nguồn gốc từ ngân ngân sách nhà nước)* và các tổ chức, doanh nghiệp khác *(thuộc diện phải nộp dữ liệu về tài nguyên và môi trường theo quy định của Nhà nước)* trên địa bàn tỉnh Cao Bằng có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường theo Quy chế này.



Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Xử lý dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành

Các thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường đã được điều tra, thu thập bằng ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh trước ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành được xử lý theo quy định sau:

1. Đối với các nội dung công việc, nhiệm vụ mà cơ quan, tổ chức, cá nhân đang thực hiện theo quy định tại Nghị định số 102/2008/NĐ - CP ngày 15 tháng 9 năm 2008 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường được tiếp tục thực hiện theo thời hạn đã

xác định của nội dung nhiệm vụ, sau thời hạn đó tuân thủ theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ - CP.

2. Đối với những thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường là sản phẩm của nội dung công việc, nhiệm vụ đang triển khai thực hiện nhưng chưa được nghiệm thu thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách Nhà nước thì cơ quan quản lý dữ liệu xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để thực hiện các công việc theo quy định của Quy chế này.

Điều 28. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm chỉ đạo, đơn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *ph*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Hoàng Xuân Ánh